



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2020	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn tài chính Quý I năm 2020	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính Quý I năm 2020	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính Quý I năm 2020	5 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.394.545.200.910	2.731.206.179.935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.437.019.670	27.247.772.453
1. Tiền	111		9.437.019.670	27.247.772.453
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.353.399.959.634	1.704.054.359.133
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	433.256.286.033	503.072.676.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	102.304.723.621	101.196.097.551
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	978.000.000	913.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.816.860.949.980	1.098.872.585.279
IV. Hàng tồn kho	140		910.346.909.268	884.265.584.696
1. Hàng tồn kho	141	10	910.346.909.268	884.265.584.696
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.361.312.338	115.638.463.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	110.161.717.729	99.604.445.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.199.594.609	16.034.018.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.973.636.869.075	2.583.878.850.414
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		775.246.901.978	1.385.863.562.848
6. Phải thu dài hạn khác	216	9	775.246.901.978	1.385.863.562.848
II. Tài sản cố định	220		5.689.035.265	6.086.729.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.826.930.769	5.127.387.191
<i>Nguyên giá</i>	222		8.874.173.737	8.874.173.737
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.047.242.968)	(3.746.786.546)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	862.104.496	959.342.782
<i>Nguyên giá</i>	228		1.387.561.429	1.387.561.429
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(525.456.933)	(428.218.647)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		339.880.337.494	339.075.792.040
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	339.864.128.671	339.059.583.217
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.208.823	16.208.823
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	807.524.500.000	807.524.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		807.524.500.000	807.524.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.296.094.338	45.328.265.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	16.244.108.316	15.713.251.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.051.986.022	29.615.013.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.368.182.069.985	5.315.085.030.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

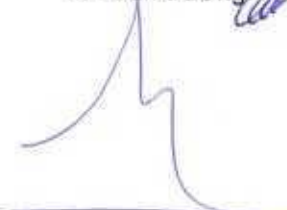
NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.217.107.811.450	2.167.737.715.153
I. Nợ ngắn hạn	310		2.038.197.307.027	1.978.140.209.966
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	200.955.660.891	212.858.407.034
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	495.773.379.144	421.906.129.894
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	154.173.555.963	166.593.396.355
4. Phải trả người lao động	314		5.635.380.913	10.038.990.272
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	174.812.062.160	190.046.330.641
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.640.934.391	4.640.934.391
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	789.124.829.480	755.404.727.009
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	182.284.433.185	182.654.652.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	30.797.070.900	33.996.642.370
II. Nợ dài hạn	330		178.910.504.423	189.597.505.187
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	177.797.240.423	188.297.236.187
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.113.264.000	1.300.269.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.151.074.258.535	3.147.347.315.196
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	3.151.074.258.535	3.147.347.315.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(66.000.000)	(66.000.000)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.900.400.000)	(3.900.400.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.819.749.847	21.819.749.847
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		731.096.398.688	727.369.455.349
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước</i>	421a		727.369.455.349	139.178.857.987
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		3.726.943.339	588.190.597.362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.368.182.069.985	5.315.085.030.349

Người lập biểu



BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày tháng năm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý I năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	111.971.280.150	296.650.718.254	111.971.280.150	296.650.718.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	45.878.653.510	1.326.641.114	45.878.653.510	1.326.641.114
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	66.092.626.640	295.324.077.140	66.092.626.640	295.324.077.140
4. Giá vốn hàng bán	11	25	30.020.082.823	121.926.634.281	30.020.082.823	121.926.634.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.072.543.817	173.397.442.859	36.072.543.817	173.397.442.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	25.867.564	2.211.801.383	25.867.564	2.211.801.383
7. Chi phí tài chính	22		4.220.612.650	74.293.357	4.220.612.650	74.293.357
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.220.612.650	74.293.357	4.220.612.650	74.293.357
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.994.639.769	4.997.469.428	6.994.639.769	4.997.469.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.886.355.890	16.627.231.083	20.886.355.890	16.627.231.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.996.803.072	153.910.250.374	3.996.803.072	153.910.250.374
11. Thu nhập khác	31		754.327.871	815.386.485	754.327.871	815.386.485
12. Chi phí khác	32		-	190.892.427	-	190.892.427
13. Lợi nhuận khác	40		754.327.871	624.494.058	754.327.871	624.494.058
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.751.130.943	154.534.744.432	4.751.130.943	154.534.744.432
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	461.159.695	23.353.480.635	461.159.695	23.353.480.635
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		563.027.909	7.748.666.536	563.027.909	7.748.666.536
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.726.943.339	123.432.597.261	3.726.943.339	123.432.597.261
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	15	615	15	615
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	15	615	15	615

Người lập biểu



BÙI ÁI HIÊN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày tháng năm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.751.130.943	154.534.744.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		381.189.023	292.182.936
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.867.564)	(2.211.801.383)
Chi phí lãi vay	06		4.220.612.650	74.293.357
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.327.065.052	152.689.419.342
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.245.054.598)	(560.307.959.269)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.878.796.158)	(148.659.590.432)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		61.409.916.236	48.460.327.076
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(11.078.697.426)	(10.484.823.650)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.220.612.650)	(74.293.357)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.307.212.258)	(14.031.100.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.199.571.470)	(15.764.290.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.192.963.272)	(548.172.310.598)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(215.100.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(65.000.000)	(30.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.434.304	2.197.500.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.565.696)	1.952.400.014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.494.783.185	28.600.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.052.007.000)	(28.812.007.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(557.223.815)	(212.007.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17.810.752.783)	(546.431.917.584)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.247.772.453	554.583.694.702
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.437.019.670	8.151.777.118

Người lập biểu

BÙI ÁI HIÊN

Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm ...
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 Ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 28 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 11, tòa nhà Techcombank Cần Thơ, số 45A-47 Đường 30/4, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Văn phòng đại diện tại 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3602368420 thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2019 là 2.402.124.510.000 đồng.

Chi tiết các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 như sau:

STT	Tên	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	150.000.000.000	99,95%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	180.000.000.000	99,99%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Đầu tư Grand World	400.000.000.000	99,90%	Kinh doanh bất động sản

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay bao gồm các khoản các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự kiểm soát của một đơn vị khác (công ty mẹ). Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo,

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

Hàng tồn kho**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2020
03 – 08 năm
05 – 08 năm
03 – 08 năm

Tài sản cố định vô hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

-
- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác

Năm 2020
02 – 03 năm**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

-
- Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
-
-
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
-
-
- Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả*Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác*

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

-
- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
-
-
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

-
- Bảo hiểm xã hội được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8,0%.
-
-
- Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 0,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 0%.
-
-
- Bảo hiểm y tế được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
-
-
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,0%.
-
-
- Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa mức lương chính hoặc tiền công của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

Vốn chủ sở hữu*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Quỹ đầu tư và phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập do khách chuyển nhượng lại hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	926.899.395	1.206.958.639
Tiền gửi ngân hàng	8.510.120.275	26.040.813.814
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	9.437.019.670	27.247.772.453

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
Công ty CP Bắc Phước Kiến	184.042.406.853	264.302.179.651
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sao Vàng Tây Đô	74.479.593.308	74.104.824.108
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư Tân Thịnh	77.583.272.600	103.007.248.700
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư - dịch vụ Giang Điền (Khu A)	61.801.686.988	58.681.997.920
Khách hàng cá nhân mua Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	1.928.426.808	1.904.348.695
Khách hàng cá nhân mua Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền-Khu C	23.424.450.000	-
Khách hàng cá nhân mua Khu dân cư Giang Điền	9.000.000.000	-
Phải thu của khách hàng bên liên quan	-	75.627.753
Khách hàng khác	996.449.476	996.449.476
Tổng cộng	433.256.286.033	503.072.676.303

Phải thu ngắn hạn bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	-	75.627.753
---	---	------------

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán bên liên quan	22.078.247.014	22.078.247.014
Công ty CP Du lịch Giang Điền	59.517.747.380	59.017.747.380
Khác	20.708.729.227	20.100.103.157
Tổng cộng	102.304.723.621	101.196.097.551

Trả trước cho người bán ngắn hạn bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	22.078.247.014	22.078.247.014
-----------------------------------	----------------	----------------

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH Địa Ốc Đảo Ngọc	313.000.000	313.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	665.000.000	600.000.000
Tổng cộng	978.000.000	913.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu khác bên liên quan	29.787.397.348	5.335.038.799
Tạm ứng	157.288.680.394	104.373.733.973
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	1.029.463.400.000	416.864.000.000
Phải thu hợp tác đầu tư	27.866.645.000	30.866.645.000
Thu hộ-chi hộ	401.940.000	401.940.000
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	393.200.000.000	370.000.000.000
Các khoản phải thu khác	178.852.887.238	171.031.227.507
Tổng cộng	1.816.860.949.980	1.098.872.585.279

Trong đó, phải thu khác bên liên quan bao gồm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	29.787.397.348	5.335.038.799
---	----------------	---------------

Phải thu dài hạn khác

Đặt cọc ký cược ký quỹ dài hạn	561.405.913.915	1.165.747.313.915
Phải thu vốn hợp tác đầu tư	213.840.988.063	220.116.248.933
Tổng cộng	775.246.901.978	1.385.863.562.848

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
- Dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	210.802.423.611	194.005.873.898
- Dự án Khu dân cư Tân Thịnh	336.976.941.570	295.008.957.080
- Dự án Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	20.788.123.299	21.057.656.376
- Dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	15.152.988.531	5.092.632.908
- Dự án nhà phố thuộc Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	19.057.897.887	38.424.444.479
- Dự án Khu đô thị mới Bãi Bụt	1.092.460.905	-
- Dự án khác	30.640.989.959	31.733.450.864
Hàng hóa bất động sản		
- Căn hộ TMDV Phú Gia Hưng, Quận Gò Vấp, TP.HCM	12.821.446.250	12.815.946.250
- Dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	77.148.135.089	77.148.135.089
- Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền-Khu C	154.064.414.167	171.304.809.752
- Khu dân cư Giang Điền	30.564.608.000	37.188.608.000
- Khác	1.236.480.000	485.070.000
Tổng cộng	910.346.909.268	884.265.584.696

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	485.228.182	7.459.176.367	929.769.188	8.874.173.737
Số dư cuối kỳ	485.228.182	7.459.176.367	929.769.188	8.874.173.737
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	340.128.370	2.720.676.748	685.981.428	3.746.786.546
Khấu hao trong kỳ	16.505.685	243.691.566	40.259.171	300.456.422
Số dư đầu kỳ	356.634.055	2.964.368.314	726.240.599	4.047.242.968
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	145.099.812	4.738.499.619	243.787.760	5.127.387.191
Tại ngày 31/03/2020	128.594.127	4.494.808.053	203.528.589	4.826.930.769

Tại ngày 31/03/2020, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 842.209.187 đồng (31/12/2019: 771.159.187 đồng).

Tại ngày 31/03/2020, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 4.083.283.066 đồng (31/12/2019: 4.298.562.130 đồng).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Website VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	105.000.000	1.282.561.429	1.387.561.429
Số dư cuối kỳ	105.000.000	1.282.561.429	1.387.561.429
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	105.000.000	323.218.647	428.218.647
Khấu hao trong kỳ	-	97.238.286	97.238.286
Số dư cuối kỳ	105.000.000	420.456.933	525.456.933
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	-	959.342.782	959.342.782
Tại ngày 31/03/2020	-	862.104.496	862.104.496

Tại ngày 31/03/2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 220.702.000 đồng (31/12/2019: 220.702.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
- Dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên	273.809.424.931	273.064.879.477
- Dự án Khu Du lịch - Thương mại - Giải trí - Thể thao đa chức năng tại xã Sơn Dương, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	414.545.454	-
- Dự án tại Xã Phước Tân, tỉnh Đồng Nai	65.245.826.468	65.245.826.468
- Dự án khác	394.331.818	748.877.272
Tổng cộng	339.864.128.671	339.059.583.217

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Đầu tư vào công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	399.600.000.000	399.600.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	258.000.000.000	258.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	149.924.500.000	149.924.500.000
Tổng cộng	807.524.500.000	807.524.500.000

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	45.399.525.295	37.491.444.491
Chi phí chờ phân bổ các dự án	64.057.712.566	60.760.343.027
Chi phí trả trước ngắn hạn	607.471.553	1.295.916.938
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	97.008.315	56.740.724
Tổng cộng	110.161.717.729	99.604.445.180
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	14.151.646.844	13.142.651.294
Chi phí trả trước khác	1.386.221.635	1.563.926.327
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	706.239.837	1.006.674.001
Tổng cộng	16.244.108.316	15.713.251.622

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ Phần Miền Đông	110.129.745.702	103.725.756.814
Công ty Cổ Phần Thương Mại & Xây Dựng Phúc Thuận Phát	29.327.426.426	42.047.699.827
Công ty TNHH Tư Vấn - Thiết Kế - Xây Dựng - Trần Minh	20.432.204.059	6.222.206.579
Khác	41.066.284.704	60.862.743.814
Tổng cộng	200.955.660.891	212.858.407.034

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Khách hàng trả tiền trước để mua đất nền của dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A) theo tiến độ hợp đồng	128.719.522.347	125.173.709.304
Khách hàng trả tiền trước để mua sản phẩm tại Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A) theo tiến độ hợp đồng	32.577.515.499	33.361.827.339
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư Tân Thịnh theo tiến độ hợp đồng	287.911.553.937	223.434.882.364
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo tiến độ hợp đồng	28.194.464.575	23.088.522.601
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền - Khu C, quy mô 37ha theo tiến độ hợp đồng	12.469.600.954	11.663.969.699
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu Dân cư tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, quy mô 42ha theo tiến độ hợp đồng	5.900.721.832	5.183.218.587
Tổng cộng	495.773.379.144	421.906.129.894

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.909.138	26.909.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.831.730.276	147.677.782.839
Thuế thu nhập cá nhân	6.325.355.498	9.899.143.327
Thuế khác	8.989.561.051	8.989.561.051
Tổng cộng	154.173.555.963	166.593.396.355

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
- Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	27.773.953.257	39.429.549.846
- Chi phí phải trả Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	1.435.096.291	1.393.355.591
- Chi phí phải trả dự án phát triển nhà ở thương mại "Chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	2.517.629.990	2.517.629.990
- Chi phí phải trả dự án chung cư cụm B, một phần khu dân cư 13E (phía nam), Đô thị mới Nam thành phố, Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM	139.966.746.802	142.594.464.793
- Chi phí phải trả dự án Khu dân cư Tân Thịnh	680.768.403	1.486.041.450
- Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.266.312.739	1.266.312.739
- Chi phí phải trả dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	471.094.457	471.094.457
- Trích trước chi phí khác	700.460.221	887.881.775
Tổng cộng	174.812.062.160	190.046.330.641

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Kinh phí công đoàn	124.289.885	279.381.375
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.444.336.913	2.668.673
Thu hộ, chi hộ	110.773.028.938	82.029.503.217
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.223.000.000	13.733.000.000
Phải trả bên liên quan	399.298.673.974	399.298.673.974
Nhận ký quỹ dự án khu đô thị mới Bình Nguyên	259.870.000.000	259.870.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.391.499.770	191.499.770
Tổng cộng	789.124.829.480	755.404.727.009

Trong đó phải trả ngắn hạn khác bên liên quan bao gồm:

Nhận đặt cọc, ký quỹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	399.298.673.974	399.298.673.974
---	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	173.855.419.697	184.355.419.697
Nhận ký quỹ bảo lãnh hợp đồng dài hạn dự án Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	3.941.820.726	3.941.816.490
	177.797.240.423	188.297.236.187
Trong đó phải trả dài hạn khác bên liên quan bao gồm:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	11.143.913.679	21.643.913.679
21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
	Tại ngày	Tại ngày
	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Vay ngắn hạn - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	181.494.783.185	181.840.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:	789.650.000	814.652.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	789.650.000	814.652.000
Tổng cộng	182.284.433.185	182.654.652.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.902.914.000	2.114.921.000
	1.902.914.000	2.114.921.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(789.650.000)	(814.652.000)
Tổng cộng	1.113.264.000	1.300.269.000
22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI		
		VND
Tại ngày 01/01/2020		33.996.642.370
Trích lập trong kỳ		-
Sử dụng trong kỳ		(3.199.571.470)
Tại ngày 31/03/2020		30.797.070.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	1.906.144.540.000	(66.000.000)	-	9.756.673.997	683.717.951.971	2.599.553.165.968
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(40.396.448.134)	(40.396.448.134)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.063.075.850	(12.063.075.850)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	123.432.597.261	123.432.597.261
Thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	(625.400.000)	-	625.400.000	-
Tại ngày 31/03/2019	1.906.144.540.000	(66.000.000)	(625.400.000)	21.819.749.847	755.316.425.248	2.682.589.315.095
Tại ngày 01/01/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	727.369.455.349	3.147.347.315.196
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.726.943.339	3.726.943.339
Tại ngày 31/03/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	731.096.398.688	3.151.074.258.535

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	240.212.451	240.212.451
- Cổ phiếu phổ thông	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu quỹ	390.040	390.040
- Cổ phiếu phổ thông	390.040	390.040
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	239.822.411	239.822.411
- Cổ phiếu phổ thông	239.822.411	239.822.411
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

24. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu bán hàng bất động sản	107.503.986.383	165.203.026.842	107.503.986.383	165.203.026.842
Doanh thu cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	4.467.293.767	131.447.691.412	4.467.293.767	131.447.691.412
Tổng cộng	111.971.280.150	296.650.718.254	111.971.280.150	296.650.718.254

<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	45.878.653.510	1.326.641.114	45.878.653.510	1.326.641.114
-------------------------------------	----------------	---------------	----------------	---------------

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng bất động sản	61.625.332.873	163.876.385.728	61.625.332.873	163.876.385.728
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	4.467.293.767	131.447.691.412	4.467.293.767	131.447.691.412
Tổng cộng	66.092.626.640	295.324.077.140	66.092.626.640	295.324.077.140

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán	26.703.666.282	96.352.353.267	26.703.666.282	96.352.353.267
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.316.416.541	25.574.281.014	3.316.416.541	25.574.281.014
Tổng cộng	30.020.082.823	121.926.634.281	30.020.082.823	121.926.634.281

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>				
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	4.434.304	2.197.500.014	4.434.304	2.197.500.014
Tiền lãi cho các bên liên quan vay	-	14.301.369	-	14.301.369
Tổng cộng	25.867.564	2.211.801.383	25.867.564	2.211.801.383
<i>Trong đó tiền lãi cho các bên liên quan vay bao gồm</i>				
Công ty CP Đầu tư Grand World	-	4.438.356	-	4.438.356
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	-	9.863.013	-	9.863.013
Tổng cộng	-	14.301.369	-	14.301.369

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.227.294.198	2.863.439.765	3.227.294.198	2.863.439.765
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	454.545	-	454.545	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.747.426	509.566.839	11.747.426	509.566.839
Chi phí bằng tiền khác	3.755.143.600	1.624.462.824	3.755.143.600	1.624.462.824
Tổng cộng	6.994.639.769	4.997.469.428	6.994.639.769	4.997.469.428

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	13.583.175.192	10.469.817.602	13.583.175.192	10.469.817.602
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	416.902.778	450.770.352	416.902.778	450.770.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	381.189.023	292.182.936	381.189.023	292.182.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.044.686.564	4.538.837.185	6.044.686.564	4.538.837.185
Chi phí bằng tiền khác	460.402.333	875.623.008	460.402.333	875.623.008
Tổng cộng	20.886.355.890	16.627.231.083	20.886.355.890	16.627.231.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	461.159.695	23.353.480.635	461.159.695	23.353.480.635

30. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.726.943.339	123.432.597.261
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(186.347.167)	(6.171.629.863)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.540.596.172	117.260.967.398
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	239.822.411	190.572.761
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	615
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15	615

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2020 giảm 119.705.653.922 đồng tương ứng 96,98% so với cùng kỳ năm trước. Biến động này chủ yếu do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ từ ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	417.357.323	450.770.352	417.357.323	450.770.352
Chi phí nhân viên	16.810.469.390	13.333.257.367	16.810.469.390	13.333.257.367
Chi phí khấu hao TSCĐ	381.189.023	292.182.936	381.189.023	292.182.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.056.433.990	5.048.404.024	6.056.433.990	5.048.404.024
Chi phí bằng tiền khác	4.215.545.933	2.500.085.832	4.215.545.933	2.500.085.832
Tổng cộng	27.880.995.659	21.624.700.511	27.880.995.659	21.624.700.511

32. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Đại Thịnh Phát
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World
Ông Nguyễn Khánh Hưng
Ông Nguyễn Minh Khang
Ông Lê Văn Hưng
Ông Lê Văn Vũ
Ông Lương Trí Thảo

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty con
Công ty con
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 06/04/2020)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Cung cấp dịch vụ	-	3.205.776
Cho vay	-	30.000.000
Vay/trả nợ vay	-	28.600.000.000
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư	8.300.000.000	5.000.000.000
Ứng trước tiền mua cổ phần	-	70.000.000.000
Lãi cho vay	-	14.301.369

Số dư với các bên liên quan:

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	75.627.753
Trả trước cho người bán	22.078.247.014	22.078.247.014
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	75.627.753
Phải thu khác	29.787.397.348	5.335.038.799
Phải trả khác	410.442.587.653	420.942.587.653

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.791.757.333	7.221.056.377

33. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày tháng năm

Người lập biểu



BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày tháng năm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG